

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 126/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Lê Bửu Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Trung Diễn – Cán bộ hưu trí.

- Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*
Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 20, khu phố Vườn Dừa, phường PT, thành phố BH, tỉnh DN.

- Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 20, khu phố Vườn Dừa, phường PT, thành phố BH, tỉnh DN.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 30/9/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:**

Chị và anh Lê Văn N tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19 tháng 12 năm 2005. Chị và anh Nam chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, làm cho tình

cảm vợ chồng ngày càng xung đột trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; hai người đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2011 cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Lê Thành D, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2006; cháu Lê Thiện N, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2013. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng hai cháu D, cháu N. Tạm thời, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, chị đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn YUPOONG Việt Nam, mức lương thu nhập mỗi tháng khoảng là 11.450.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Lê Văn N trình bày:**

Về thời gian tìm hiểu để tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn, đúng như chị Sương trình bày; vợ chồng bắt đầu quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xung đột trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay, chị S xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Lê Thành D, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2006; cháu Lê Thiện N, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2013. Sau khi ly hôn, anh xin được nuôi dưỡng cháu N, giao cháu D cho chị S nuôi dưỡng. Tạm thời, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, anh đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế hộp xanh, mức lương thu nhập mỗi tháng khoảng là 16.900.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa phát biểu ý kiến như sau:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu ly hôn của các bên đương sự, giao hai con cho chị Sương nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn và bị đơn anh Lê Văn N, cư trú tại Nhà không số, tổ 20, khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, và 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19 tháng 12 năm 2005, nên đây là hôn nhân hợp pháp, là phù hợp quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay, anh N và chị S ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Sương là có cơ sở chấp nhận vì: Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình;

Trong quá trình anh N và chị S chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, tình cảm đối với nhau không còn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay, chị S xin ly hôn và được anh N đồng ý chấp nhận; đây là sự tự nguyện của các bên không trái với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[3]. Về con chung: Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Lê Thành D, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2006; cháu Lê Thiện N, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2013. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng hai cháu là cháu D và cháu N; anh xin được nuôi dưỡng cháu N, giao cháu D cho chị S nuôi dưỡng. Tạm thời, không bên nào yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con;

Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị S là phù hợp quy định pháp luật; bởi lẽ, điều kiện nuôi con của chị S được đảm bảo; việc nuôi dạy con của chị S rất tốt, các cháu đều đạt được học sinh giỏi; nguyện vọng của hai cháu khi cha, mẹ ly hôn, các cháu xin được ở với mẹ là chị S; anh N phải đi làm xa nhà không có điều kiện chăm sóc con; để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của hai cháu D, N, tránh gây xáo trộn về tâm sinh lý của hai cháu. Do vậy, cần giao hai cháu D, N cho chị S nuôi dưỡng;

[4]. Về tài sản chung và nợ chung, trong quá trình tiến hành tố tụng do đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí, chị S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2000; Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lê Văn N đồng ý thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho Nguyễn Thị Thu S được nuôi dưỡng hai con chung là: cháu Lê Thành D, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2006; cháu Lê Thiện N, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2013; Tạm thời, anh Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con;

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung;

Vì quyền lợi của con khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung, do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai số 0007632 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; chị Nguyễn Thị Thu S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Diễn

Huỳnh Thị Kim Kiên

Dương Lê Bửu Thiện

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 6 năm 2020;

Tại phòng nghị án của trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Lê Bửu Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Trung Diễn – Cán bộ hưu trí.

- Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Phó Chủ tịch Hội liên

hiệp phụ nữ Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Sương, sinh năm 1985.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Nam, sinh năm 1979.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1/ Hội thẩm nhân dân – Ông Nguyễn Trung Diễn phát biểu:

Về quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Hội thẩm nhân dân – Bà Huỳnh Thị Kim Kiên phát biểu: Thống nhất ý kiến.

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa - Ông Dương Lê Bửu Thiện phát biểu: Thống nhất ý kiến.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2/ Hội thẩm nhân dân – Ông Nguyễn Trung Diễn phát biểu:

Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Hội thẩm nhân dân – Bà Huỳnh Thị Kim Kiên phát biểu: Thống nhất ý kiến.

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa - Ông Dương Lê Bửu Thiện phát biểu: Thống nhất ý kiến.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3/ Hội thẩm nhân dân – Ông Nguyễn Trung Diễn phát biểu:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn và bị đơn anh Lê Văn Nam, cư trú tại Nhà không số, tổ 20, khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nam và chị Sương chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19 tháng 12 năm 2005, nên đây là hôn nhân hợp pháp, là phù hợp quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay, anh Nam và chị Sương ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Sương là có cơ sở chấp nhận vì: Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình;

Trong quá trình anh Nam và chị Sương chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, tình cảm đối với nhau không còn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay, chị Sương xin ly hôn và được anh Nam đồng ý chấp nhận; đây là sự tự nguyện của các bên không trái với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[3]. Về con chung: Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Lê Thành Danh, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2006; cháu Lê Thiện Nhân, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2013. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng hai cháu là cháu Danh và cháu Nhân; anh xin được nuôi dưỡng cháu Nhân, giao cháu Danh cho chị Sương nuôi dưỡng. Tạm thời, không bên nào yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con;

Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị Sương là phù hợp quy định pháp luật; bởi lẽ, điều kiện nuôi con của chị Sương được đảm bảo; việc nuôi dạy con của chị Sương rất tốt, các cháu đều đạt được học sinh giỏi; nguyện vọng của hai cháu khi cha, mẹ ly hôn, các cháu xin được ở với mẹ là chị Sương; anh Nam phải đi làm xa nhà không có điều kiện chăm sóc con; để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của hai cháu Danh, Nhân, tránh gây xáo trộn về tâm sinh lý của hai cháu. Do vậy, cần giao hai cháu Danh, Nhân cho chị Sương nuôi dưỡng;

[4]. Về tài sản chung và nợ chung, trong quá trình tiến hành tố tụng do đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí, chị Sương phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

- + Hội thẩm nhân dân – Bà Huỳnh Thị Kim Kiên phát biểu: Thống nhất ý kiến.
 - + Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa - Ông Dương Lê Bửu Thiện phát biểu: Thống nhất ý kiến.
- Kết quả biểu quyết: 3/3.

Sau khi 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết và nhất trí, Hội đồng xét xử quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Sương và anh Lê Văn Nam đồng ý thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho Nguyễn Thị Thu Sương được nuôi dưỡng hai con chung là: cháu Lê Thành Danh, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2006; cháu Lê Thiện Nhân, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2013; Tạm thời, anh Lê Văn Nam không phải cấp dưỡng nuôi con;

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung;

Vì quyền lợi của con khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung, do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu Sương phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai số 0007632 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; chị Nguyễn Thị Thu Sương đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 6 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Diễn

Huỳnh Thị Kim Kiên

Dương Lê Bửu Thiện

Nơi nhận:

- Các đ/s;
- TAND tỉnh;
- VKS Tp BH;
- THADS Tp BH;
- UBND phường (xã)
nơi đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu.

Dương Lê Bửu Thiện